

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-11-2021

V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Số 264 đường Cao Thắng, Khóm 6, Phường 8, thành phố S, tỉnh Tr; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Huỳnh Thị H, tổ 2, khu phố 1, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Cô Thanh Q, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Số 264 đường Cao Thắng, Khóm 6, Phường 8, thành phố S, tỉnh Tr; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Huỳnh Thị H, tổ 2, khu phố 1, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Cô Thanh Q chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh M (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Th trước đây) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2011, quyển số 01/2011 ngày 14/6/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm đầu. Sau đó, thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông Q không chịu khó làm ăn mà sa ngã vào tệ nạn cờ bạc dưới hình thức số đề, đánh bạc ... dẫn đến nợ nhiều người và nhiều lần; gây phiền hà và xáo trộn cuộc sống của gia đình và vợ con. Đã vậy, ông Q còn bị chủ nợ tìm đến tận nhà trọ chửi mắng, đòi nợ làm ảnh hưởng đến uy tín của bà Th và ảnh hưởng đến người xung quanh. Bà Th đã cho ông Quy nhiều cơ hội để thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Cô Thanh Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà Th và ông Q có 01 con chung tên Cô Minh T, sinh ngày 12/01/2014. Hiện tại cháu T đang sống cùng ông Q. Theo đơn khởi kiện, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà Th đồng ý giao con chung Cô Minh T cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng; bà Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2021, bị đơn ông Cô Thanh Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà Th chung sống với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gặp nhiều khó khăn và vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông Q không đồng ý vì bà Th tự ý bỏ nhà ra đi. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Cô Minh T, sinh ngày 12/01/2014. Hiện tại cháu T đang sống với ông Q và ông bà nội. Khi ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2021 của cháu Cô Minh T trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu T có nguyện vọng được sống với cha là ông Cô Thanh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Cô Thanh Q chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh M và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2011, quyển số 01/2011, ngày 14/6/2011. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Cô Thanh Q là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Cô Minh T, sinh ngày 12/01/2014. Khi ly hôn, bà Th đồng ý để ông Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cô Minh T; cháu T cũng có nguyện vọng được sống với ông Q. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho ông Q được nuôi dưỡng con chung.

+ Về việc cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

+ Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Cô Thanh Q và đồng ý cho ông Cô Thanh Q được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh, ông Cô Thanh Q đang cư trú tại địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông Cô Thanh Q vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Cô Thanh Q chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh M và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2011, quyển số 01/2011, ngày 14/6/2011. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2021. Bà Th yêu cầu được ly hôn, ông Q không đồng ý ly hôn.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Phạm Thị Th yêu cầu ly hôn với ông Cô Thanh Q là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng bà Th và ông Q có 01 con chung tên Cô Minh T, sinh ngày 12/01/2014. Ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Th đồng ý.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Cháu Cô Minh T hiện đang sống với ông Q và có nguyện vọng tiếp tục được sống với ông Q sau khi cha mẹ ly hôn, bà Th đồng ý để ông Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, yêu cầu được quyền nuôi con chung của ông Q không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Cô Thanh Q như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Th được ly hôn với ông Cô Thanh Q.

- *Về việc nuôi con chung:* Giao cho ông Cô Thanh Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cô Minh T, sinh ngày 12/01/2014.

Bà Phạm Thị Th và ông Cô Thanh Q đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0052335 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, bà Th không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Phạm Thị Th có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Ông Cô Thanh Q vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Lê